TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2020/DSST
Ngày: 11/02/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Quang Liêu;
2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông An Bắc Lừng – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2019/TLST – DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1987
Cư trú tại: Khu H, TT. Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981
Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1971
(Anh Phạm Văn H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H)
Cùng cư trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: Vào ngày 25/3/2019 anh có cho vợ chồng anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H vay số tiền 600.000.000đ, hẹn ngày 30/3/2019 trả. Mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay tiền các bên có làm giấy nhận tiền. Các bên có thỏa thuận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số

38, tờ bản đồ số 38 tại thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước và thỏa thuận lại thời hạn trả tiền là ngày 5/4/2019. Chị Nguyễn Thị H có bàn giao giấy CNQSDĐ cho anh, nhưng sau đó anh trả lại giấy CNQSDĐ cho chị Nguyễn Thị H để chị Nguyễn Thị H vay vốn Ngân hàng. Khi vay tiền các bên có nói khi nào trả sẽ trả tiền lãi nhưng các bên không nói rõ lãi suất bao nhiêu. Đến thời hạn trả chị Nguyễn Thị H không trả nên ngày 15/6/2019 các bên lập lại giấy vay tiền mới, thỏa thuận lại ngày trả là ngày 15/7/2019 và vợ chồng chị Nguyễn Thị H anh Phạm Văn H có ký nhận. Từ ngày vay cho đến nay chị Nguyễn Thị H đã trả anh số tiền lãi là 50.000.000đ, còn tiền gốc thì chị Nguyễn Thị H chưa trả. Nay đã quá thời hạn trả nợ anh khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị H anh Phạm Văn H trả số tiền vay 600.000.000đ và tiền lãi theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh xin rút yêu cầu giải quyết về tiền lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn H là vợ chồng. Chị xác nhận ngày 25/3/2019 chị có vay tiền của anh Nguyễn Hữu T với số tiền 600.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng và hẹn đến ngày 5/4/2019 trả. Việc vay tiền có làm giấy tờ và chị xác nhận chữ ký ở mục người nhận trong giấy nhận tiền lập ngày 25/3/2019 là chữ ký chữ viết của chị. Khi chị vay tiền thì anh Phạm Văn H không có mặt nhưng anh Phạm Văn H có biết việc vay tiền này. Khi vay tiền chị có thỏa thuận thế chấp cho anh Nguyễn Hữu T 01 giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 38 tại thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, việc thế chấp này chỉ ghi nhận trên giấy tờ để làm tin chứ chị không có bàn giao giấy CNQSDĐ cho anh Nguyễn Hữu T. Sau đó, anh Nguyễn Hữu T nói giấy nhận tiền lập ngày 25/3/2019 đã bị thất lạc nên anh Nguyễn Hữu T lập lại giấy vay tiền ngày 15/6/2019 và vợ chồng chị ký xác nhận. Sau khi nhận số tiền 600.000.000đ khoảng nửa tháng sau chị đã trả cho anh Nguyễn Hữu T số tiền lãi là 50.000.000đ. Đến thời hạn trả nợ vợ chồng chị vẫn chưa trả cho anh Nguyễn Hữu T số tiền gốc do trục trặc trong việc vay vốn Ngân hàng. Nay anh Nguyễn Hữu T khởi kiện, vợ chồng chị đồng ý trả số tiền vay 600.000.000đ và có yêu cầu trả làm nhiều lần do hoàn cảnh đang khó khăn. Đối với số tiền lãi vợ chồng chị đã trả cho anh Nguyễn Hữu T, vợ chồng chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Nguyễn Hữu T số tiền gốc là 600.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét: Anh Nguyễn Hữu T khởi kiện anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi. Anh Nguyễn Hữu T cung cấp giấy vay tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H hiện đang cư trú tại thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét giao dịch giữa anh Nguyễn Hữu T và vợ chồng anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H được xác lập trong tháng 3 năm 2019. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên thỏa thuận thời hạn trả ngày 5/4/2019. Sau đó các bên thỏa thuận lại ngày trả là ngày 15/7/2019. Như vậy, thời hạn anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H phải trả tiền vay cho anh Nguyễn Hữu T chậm nhất là ngày 15/7/2019. Thời gian anh Nguyễn Hữu T nộp đơn khởi kiện là ngày 14/10/2019. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm"*. Do đó, yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi của anh Nguyễn Hữu T vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T yêu cầu anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H trả số tiền vay 600.000.000đ: Anh Nguyễn Hữu T khai nhận anh có cho anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H vay số tiền là 600.000.000đ, thời hạn trả 15/7/2019. Anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H thừa nhận anh chị có vay của anh Nguyễn Hữu T số tiền 600.000.000đ và xác nhận giấy nhận tiền lập ngày 25/3/2019 và giấy có nội dung vay tiền lập ngày 15/6/2019 là đúng (bút lục số 18, 45). Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H vay số tiền 600.000.000đ của anh Nguyễn Hữu T là có thật.

Trong giấy tờ có nội dung vay tài sản lập ngày 15/6/2019 các bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/7/2019. Như vậy, thời hạn anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H phải trả tiền vay cho anh Nguyễn Hữu T chậm nhất là ngày 15/7/2019. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn."*. Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H thừa nhận vợ chồng chị có vay tiền của anh Nguyễn Hữu T và đến nay vẫn chưa trả tiền gốc. Như vậy, bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ

thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu trả số tiền vay 600.000.000đ là có cơ sở cần buộc anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả nợ.

[5] Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Chị Nguyễn Thị H anh Phạm Văn H khai nhận anh chị đã trả cho anh Nguyễn Hữu T số tiền lãi là 50.000.000đ và anh chị yêu cầu được khấu trừ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về số tiền lãi này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu T xin rút yêu cầu giải quyết về tiền lãi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giải quyết về tiền lãi; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do đó, bị đơn anh Phạm Văn H chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc bị đơn anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị H liên đới trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T số tiền vay là 600.000.000đ.

2/ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giải quyết về tiền lãi; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3/ Về án phí: Buộc bị đơn anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000đ

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T số tiền tạm ứng án phí là 14.840.000đồng theo biên lai thu tiền số 0009786 ngày 04 tháng 11 năm 2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11-02-2020).

Nơi nhận:
- TAND t. Bình Phước ;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh